FireAnt

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)

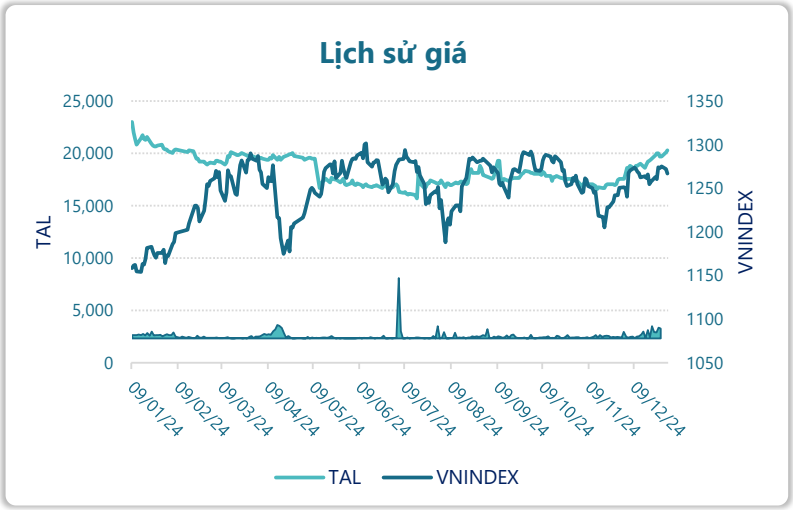

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,001
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,695
SL cổ phiếu LH	311,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	126,333
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,331
P/E	9.6
EPS	2,108

DT thuần

Q4/24

435

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 124| 40.0%

YoY: ▼2,115| -82.9%

LN sau thuế

Q4/24

476

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 291| 157%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

54.6%

+/- YoY: ▲ 32.9%

DT thuần

2024

1,684

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,554| -48.0%

LN sau thuế

2024

678

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 205| 43.5%

ROE

2024

16.0%

+/- YoY: ▲ 4.3%

Kết quả kinh doanh

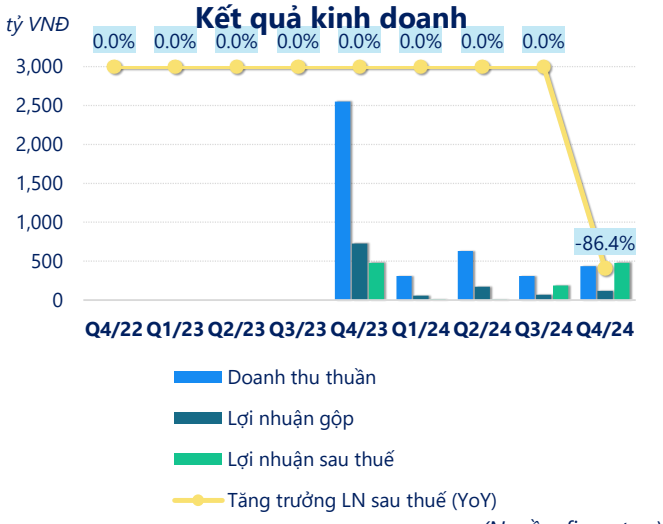

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

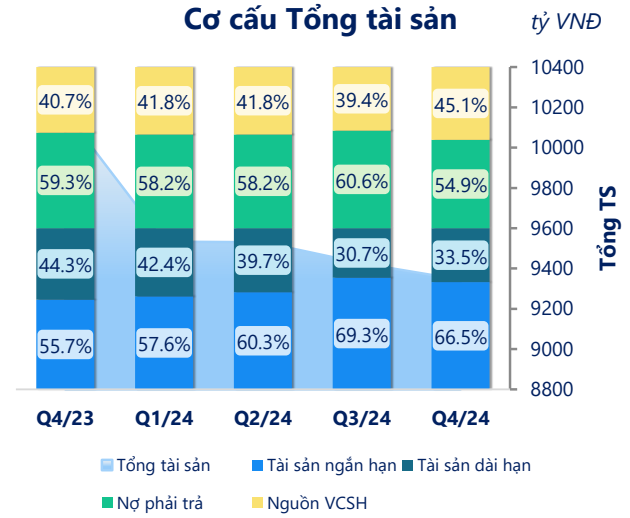

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

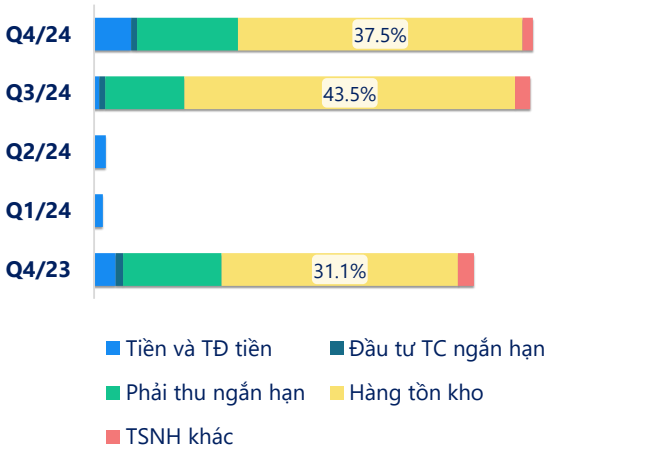

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

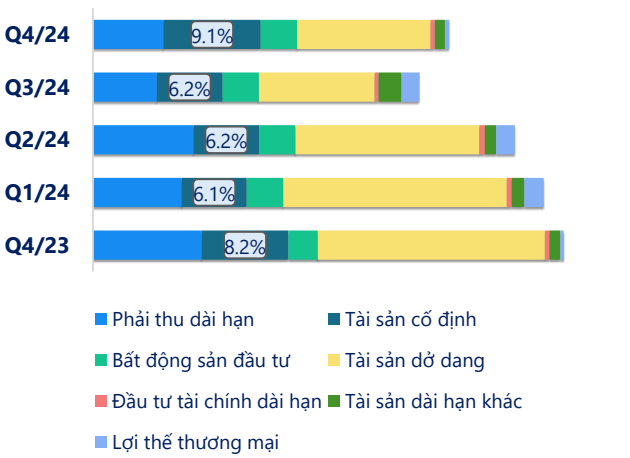

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

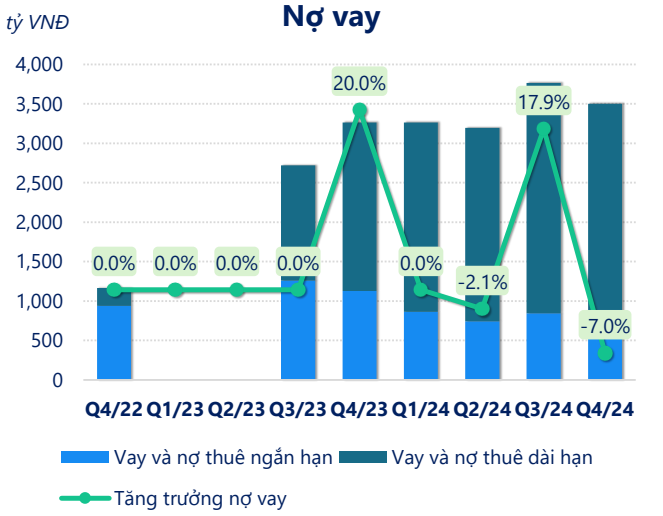

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

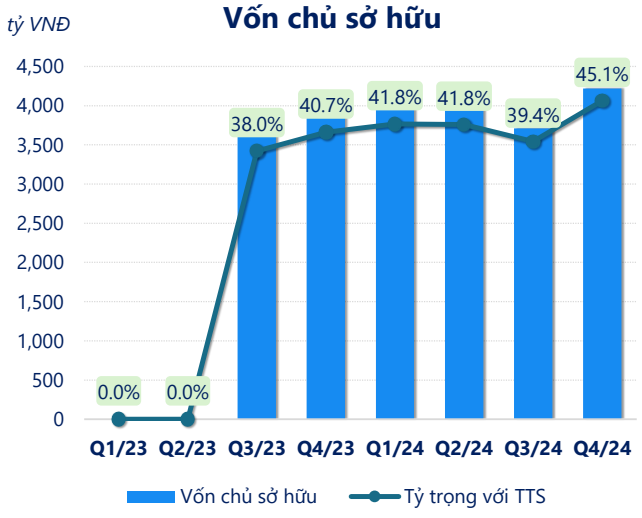

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

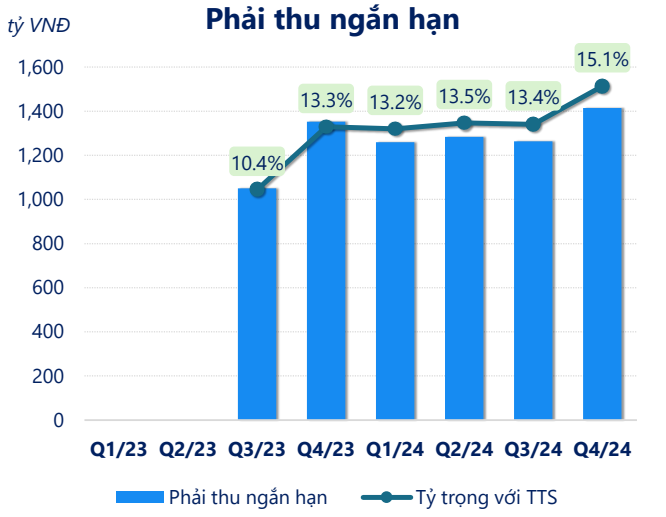

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

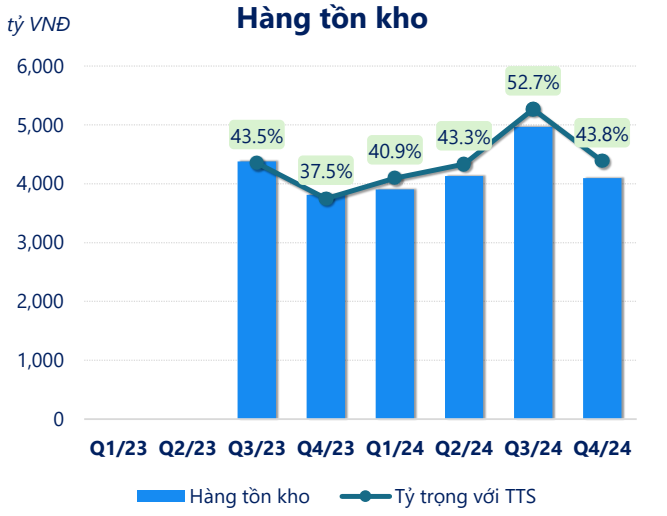

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

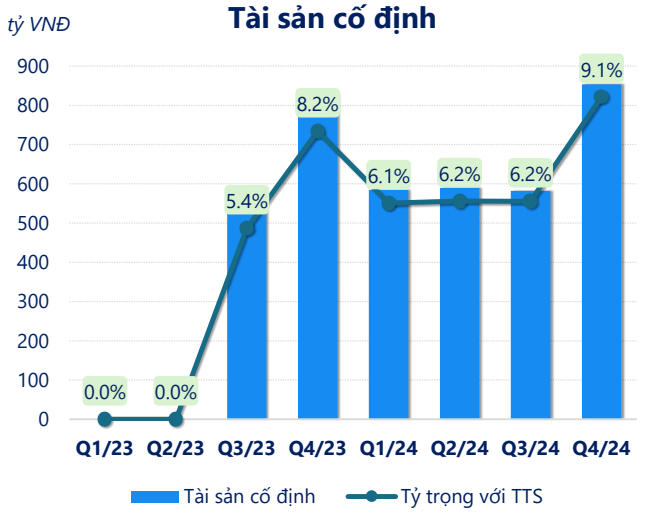

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

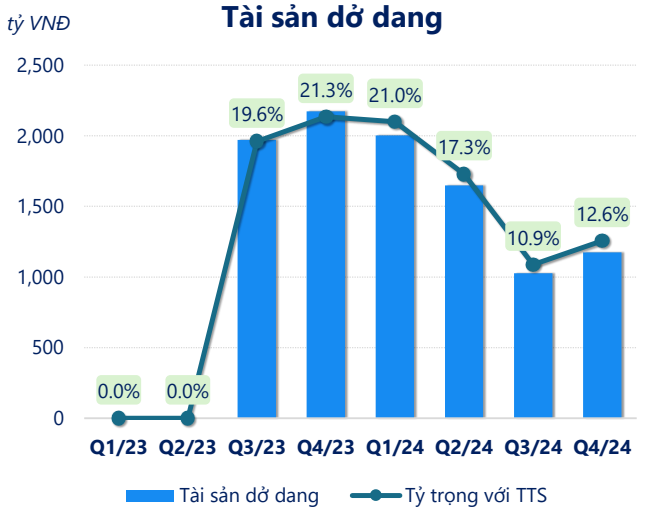

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

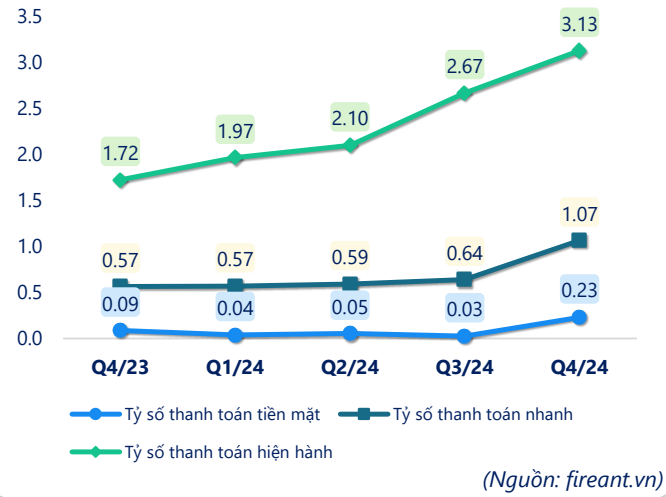

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

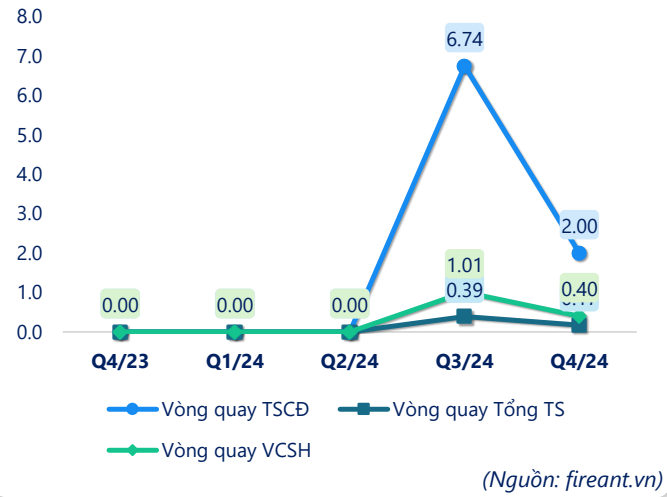

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**10,176**	**9,533**	**9,530**	**9,426**	**9,344**
Tài sản ngắn hạn	**5,672**	**5,493**	**5,750**	**6,531**	**6,213**
Tiền và tương đương tiền	288	111	146	63.8	456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.9	71.8	61.8	117	117
Phải thu ngắn hạn	1,353	1,259	1,284	1,264	1,414
Hàng tồn kho	3,814	3,903	4,129	4,964	4,097
Tài sản ngắn hạn khác	140	148	129	122	129
Tài sản dài hạn	**4,504**	**4,041**	**3,780**	**2,895**	**3,131**
Phải thu dài hạn	1,040	795	901	566	620
Tài sản cố định	830	584	589	582	854
Bất động sản đầu tư	280	328	325	322	319
Tài sản dở dang	2,172	2,001	1,648	1,026	1,174
Đầu tư tài chính dài hạn	45.0	45.0	48.4	36.4	36.5
Tài sản dài hạn khác	103	112	102	201	88.8
Lợi thế thương mại	32.1	175	167	162	39.7
Nợ phải trả	**6,039**	**5,545**	**5,550**	**5,715**	**5,127**
Nợ ngắn hạn	**3,289**	**2,795**	**2,738**	**2,447**	**1,986**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,126	863	745	847	767
Phải trả người bán ngắn hạn	477	430	391	376	408
Nợ dài hạn	2,750	2,750	2,812	3,268	3,141
Vay và nợ thuê dài hạn	2,137	2,400	2,449	2,918	2,733
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,137**	**3,989**	**3,980**	**3,711**	**4,217**
Vốn chủ sở hữu	**4,137**	**3,989**	**3,980**	**3,711**	**4,217**
Vốn điều lệ	2,970	2,970	2,970	2,970	2,970
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)